

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**
Số: 03/2022/QĐST-VDS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiên Du, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Văn Quang

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quế - Thư ký TAND huyện Tiên Du

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-VDS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “ Hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 03/2022/QĐ- VDS ngày 15/12/2022

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Ngô Đức C, sinh năm 1972;

Chị Trần Thị X, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Thôn AP, xã PL, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh;

(Các đương sự đều có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TD;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị H – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã PL, huyện TD;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã PL, huyện TD *(có đơn xin vắng mặt)*;

NỘI DUNG

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, biên bản ghi lời khai chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Ngô Đức C kết hôn vào ngày 12/12/1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã PL, huyện TD tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/1990). Trước khi kết hôn, chị và anh C có được gia đình

hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên chị kết hôn với anh C khi chưa đủ tuổi. Do vậy, khi làm thủ tục đăng ký kết hôn chị đã khai tăng tuổi của chị là sinh năm 1973, trong khi ngày sinh đúng của chị là 07/7/1974. Ngoài ra, do không để ý nên khi UBND xã PL đăng ký kết hôn đã ghi nhầm tên chị là Trần Thị Xn. UBND xã PL đã căn cứ vào giấy giới thiệu nơi cư trú của chị X, anh C nên đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị X và anh C. Quá trình chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc, có con chung và tài sản chung. Nay chị nhận thấy việc kết hôn với anh C khi chị chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật và gây khó khăn trong việc thực hiện một số thủ tục hành chính của chị và gia đình. Chị X thừa nhận các giấy tờ cá nhân của chị như: Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, Sổ hộ khẩu đều thể hiện chị sinh ngày 07/7/1974. Do vậy, chị và anh C cùng thống nhất yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân tại thời điểm chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Đức C thống nhất với lời trình bày của chị X về thủ tục và điều kiện kết hôn như trên. Anh đồng ý với ý kiến của chị X về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị X.

Tại phiên họp chị X và anh C đều đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du hủy kết hôn trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị X tại thời điểm chị X đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đại diện UBND xã PL xin vắng mặt. Căn cứ vào lời trình bày và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Căn cứ vào Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã PL thể hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn (12/12/1990), chị Trần Thị Xn, sinh năm 1973. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do chị Xuân và anh C đều cố tình khai không đúng về độ tuổi nên UBND xã PL đã đăng ký kết hôn không đúng quy định của pháp luật. Do sơ suất nên tại thời điểm UBND xã PL đăng ký kết hôn cho chị X và anh C đã ghi tên nhầm tên chị Trần Thị X là Trần Thị Xn. UBND xã PL xác nhận kể từ thời điểm kết hôn đến nay, chị X và anh C vẫn chung sống tại thôn AP, xã PL, huyện TD. Vợ chồng có con chung, tài sản chung. Nay chị X cung cấp chị tên là Trần Thị X, sinh ngày 07/7/1974. Chị kết hôn với anh C vào ngày 12/12/1990. Tham chiếu với Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 thì chị X chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của chị X và anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho chị X và anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục

giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68,70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ Khoản 6, Điều 3, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 2,3,4 Thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016; Điều 29, 35, 39, 362, 365, 366 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 tuyên: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị X (Xn) và anh Ngô Đức C tại thời điểm chị X đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 07/7/1992.

Các đương sự không phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn yêu cầu của người yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định yêu cầu của đương sự là việc “Hủy kết hôn trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về thủ tục mở phiên họp vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Phú Lâm, huyện Tiên Du có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp thể hiện tại Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu gia đình: Chị Trần Thị X, sinh ngày 07/7/1974. Căn cứ vào giấy xác nhận của UBND xã Phú Lâm xác định chị Trần Thị X, sinh năm 1974 và chị Trần Thị Xn sinh năm 1973 là cùng một người. Căn cứ vào lời trình bày của chị X thể hiện tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị đã khai tăng tuổi để được xác nhận tình trạng hôn nhân và kết hôn với anh C. Như vậy, khi đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lâm, chị X mới được 16 tuổi 05 tháng 05 ngày đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 12/12/1990, chị X chưa đủ tuổi kết hôn.

Xét yêu cầu của anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X thấy: Anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X hiện đang sống chung hạnh phúc, có con chung, tài sản chung và không có mâu thuẫn nghiêm trọng. Anh C, chị X đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: “*Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này*” và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X từ ngày 07/7/1992 khi chị Xiêm đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh C, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí: Anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5,9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 8, Khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X

- Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X theo Giấy chứng nhận kết hôn số ngày 12/12/1999 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tiên Du.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X kể từ ngày 07/7/1992.

Anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc ghi chú vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Ngô Đức C, chị Trần Thị X không phải chịu lệ phí Hôn nhân gia đình;

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã Phú Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Văn Quang